



# CHƯƠNG II

**CHÍNH PHẠ VỚI VAI TRỌ PHÂN BỐ NGUỒN LỰC  
NHÓM NÂNG CAO HIỆU QUẢ KINH TẾ**



## CHƯƠNG II

Bốn dạng thất bại cơ bản của thị trường:

1. Độc quyền.
2. Ngoại ứng.
3. Hàng hoá công cộng.
4. Thông tin không đối xứng



# Thất bại thị trường?

*Những trường hợp mà thất bại thị trường  
cạnh tranh không thợ sản xuất  
ra hàng hóa và dịch vụ mới  
nhờ vào hiệu quả mong muốn.*



# Câu hỏi kiểm chứng

- ◆ Tại sao chúng lại đ- ợc gọi là thất bại của thị tr- ờng ?
- ◆ Thất bại đó đã gây ra hậu quả nh- thế nào đối với nền kinh tế ?
- ◆ Chính phủ cần phải làm gì để khắc phục hậu quả do thất bại đó gây ra?



# 1. Độc quyền

- ◆ 1.1. Độc quyền th- ờng.
- ◆ 1.2. Độc quyền tự nhiên.



# 1.1 Độc quyền th- ờng

1.1.1. Định nghĩa

1.1.2. Nguyên nhân xuất hiện độc quyền.

1.1.3. Tổn thất phúc lợi do độc quyền th- ờng gây ra .

1.1.3. Các giải pháp can thiệp của chính phủ



# 1.1.1. Định nghĩa

*Độc quyền thương mại là trạng thái thị trường chỉ có duy nhất một người bán, và sản xuất ra sản phẩm không có loại hàng hóa nào thay thế gần gũi.*



## 1.1.2. Nguyên nhân xuất hiện độc quyền.

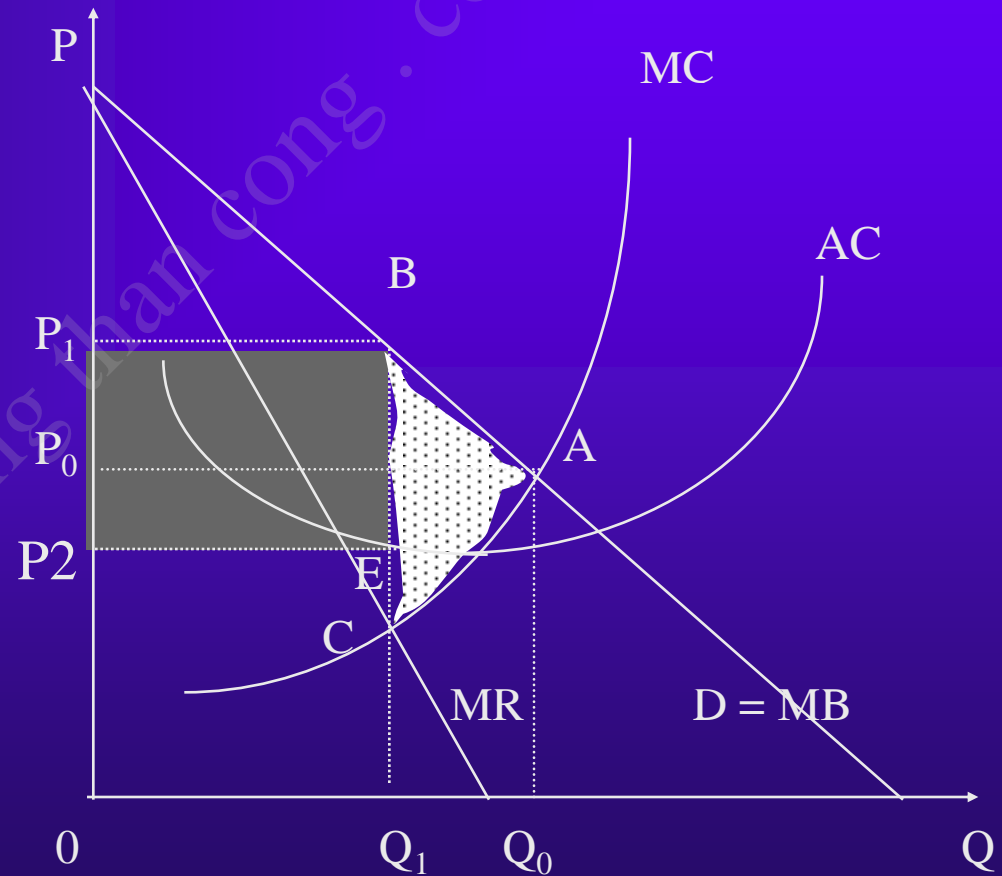
- ◆ *Là kết quả của quá tranh cạnh tranh .*
- ◆ *Do đ□ợc chính phủ nh□ợng quyền khai thác thị tr□ờng.*
- ◆ *Do chế độ bản quyền đối với phát minh, sáng chế và sở hữu trí tuệ.*
- ◆ *Do sở hữu đ□ợc một nguồn lực đặc biệt.*
- ◆ *Do có khả năng giảm giá thành khi mở rộng sản xuất*






# 1.1.3. Tổn thất phúc lợi do Độc quyền thặng dư

*ABC: Tổn thất phúc lợi*  
 *$P_1BEP_2$  : lợi nhuận độc quyền*



Hình 2.1: Độc quyền thặng dư



### 1.1.3. Các giải pháp can thiệp của chính phủ

- Mục tiêu can thiệp.
- Giải pháp

# Mục tiêu can thiệp.

- ◆ Đưa mức sản lượng về mức tối ưu hóa phúc lợi xã hội.
- ◆ Không chế phần lợi nhuận của nhà độc quyền

# Giải pháp

- ◆ *Ban hành luật pháp và chính sách chống độc quyền*
- ◆ *Sở hữu nhà nước đối với độc quyền*
- ◆ *Kiểm soát giá cả*
- ◆ *Đánh thuế*



# Thảo luận

- ◆ Giải pháp nào là tối ưu?
- ◆ ưu nhược điểm của từng giải pháp?



## 1.2. Độc quyền tự nhiên

### 1.2.1. Định nghĩa

*1.2.2 Sự phi hiệu quả của độc quyền tự nhiên khi ch□a bị điều tiết*

*1.2.3. Các chiến lược điều tiết độc quyền tự nhiên của chính phủ*

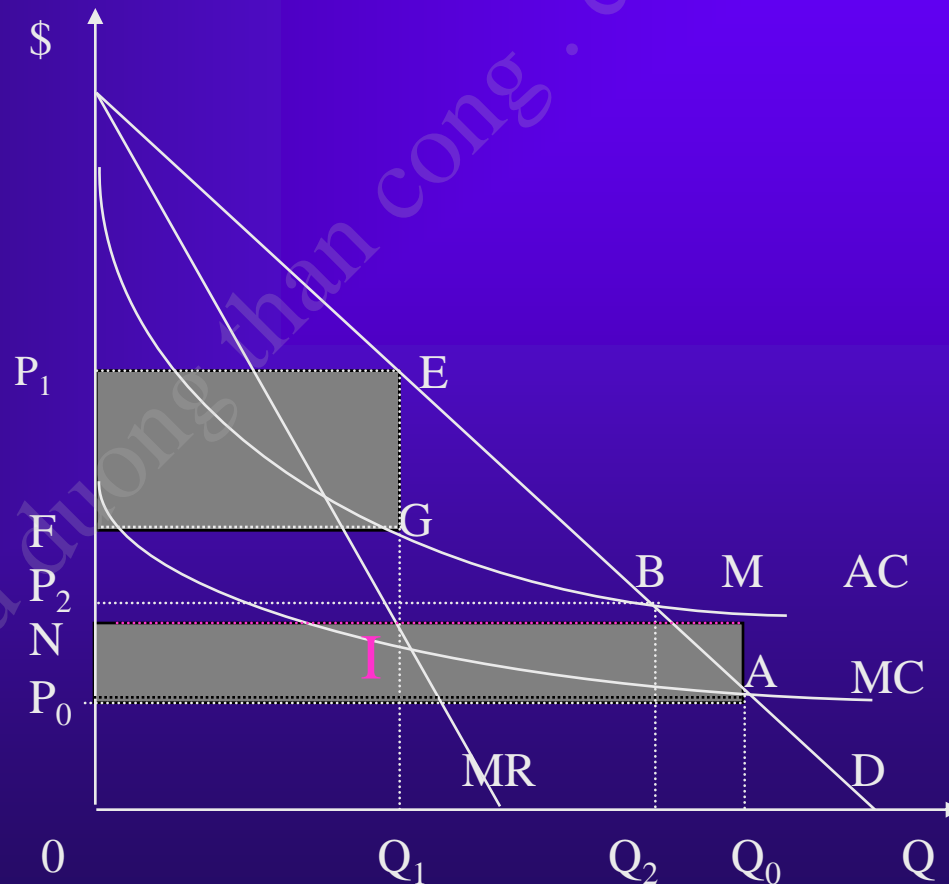


## 1.2.1. Định nghĩa

*Là tình trạng trong đó các yếu tố hàm chứa trong quá trình sản xuất đã cho phép hãng có thể liên tục giảm chi phí sản xuất khi qui mô sản xuất mở rộng, do đó đã dẫn đến cách tổ chức sản xuất hiệu quả nhất là chỉ thông qua một hãng duy nhất.*



## 1.2.2 Sự phi hiệu quả của độc quyền tự nhiên khi ch□a bị điều tiết



Hình 2.2: Độc quyền tự nhiên



### *1.2.3. Các chiến lược điều tiết độc quyền tự nhiên của chính phủ*

- ◆ *Định giá bằng chi phí trung bình*
- ◆ *Định giá bằng chi phí biên cộng với một khoản thuế khoán*
- ◆ *Định giá hai phần*

# *Định giá bằng chi phí trung bình*

**Ưu**

- Loại bỏ được hoàn toàn lợi nhuận siêu ngạch của hãng độc quyền

**Nhược:**

- Khó xác định chi phí trung bình của hãng ĐQ
- Vẫn chưa đạt tới mức sản lượng hiệu quả và gây tổn thất FLXH .



# *Định giá bằng chi phí biên cộng với một khoản thuế khoán*

## ◆ Ưu:

Hiệu quả trong việc đạt mục tiêu..

## ◆ Nhược:

Khó áp dụng thuế khoán: không công bằng





# *Định giá hai phần*

- ◆ Phần cố định và bằng nhau =  $P_0N$
- ◆ Phần thay đổi theo mức sử dụng  
=  $OP_0$  (= MC)
- ◆ Ví dụ cụ thể: Thuê bao điện thoại cố định



# Bài tập ví dụ

- ◆ Bài tập 1 cuối chương 2
- ◆ Bổ sung: so sánh với trường hợp của ngành Viễn thông Việt nam

# 2. Ngoại ứng.

- 2.1 Khái niệm và đặc điểm
- 2.2 Ngoại ứng tiêu cực
- 2.3 Ngoại ứng tích cực



## 2.1 Khai niệm và đặc điểm

- ◆ Khai niệm
- ◆ Ví dụ và phân loại
- ◆ Đặc điểm của ngoại ứng





# Khái niệm

*Khi hành động của một đối tượng (có thể là cá nhân hoặc hãng) có ảnh hưởng trực tiếp đến phúc lợi của một đối tượng khác, nhưng những ảnh hưởng đó lại không được phản ánh trong giá cả thị trường thì ảnh hưởng đó được gọi là các ngoại ứng*

# Ví dụ và phân loại

♦ Ví dụ:

Phân loại:

- Ngoại ứng tích cực
- Ngoại ứng tiêu cực



# Đặc điểm của ngoại ứng

- ◆ *Chúng có thể do cả hoạt động sản xuất lẫn tiêu dùng gây ra*
- ◆ *Trong ngoại ứng, việc ai là người gây tác hại (hay lợi ích) cho ai nhiều khi chỉ mang tính tương đối*
- ◆ *Sự phân biệt giữa tính chất tích cực và tiêu cực của ngoại ứng chỉ là tương đối .*
- ◆ *Tất cả các ngoại ứng đều phi hiệu quả, nếu xét dưới quan điểm xã hội*



## 2.2 Ngoại ứng tiêu cực

*2.2.1 Sự phi hiệu quả của ngoại ứng tiêu cực.*

*2.2.2 Giải pháp khắc phục ngoại ứng tiêu cực*

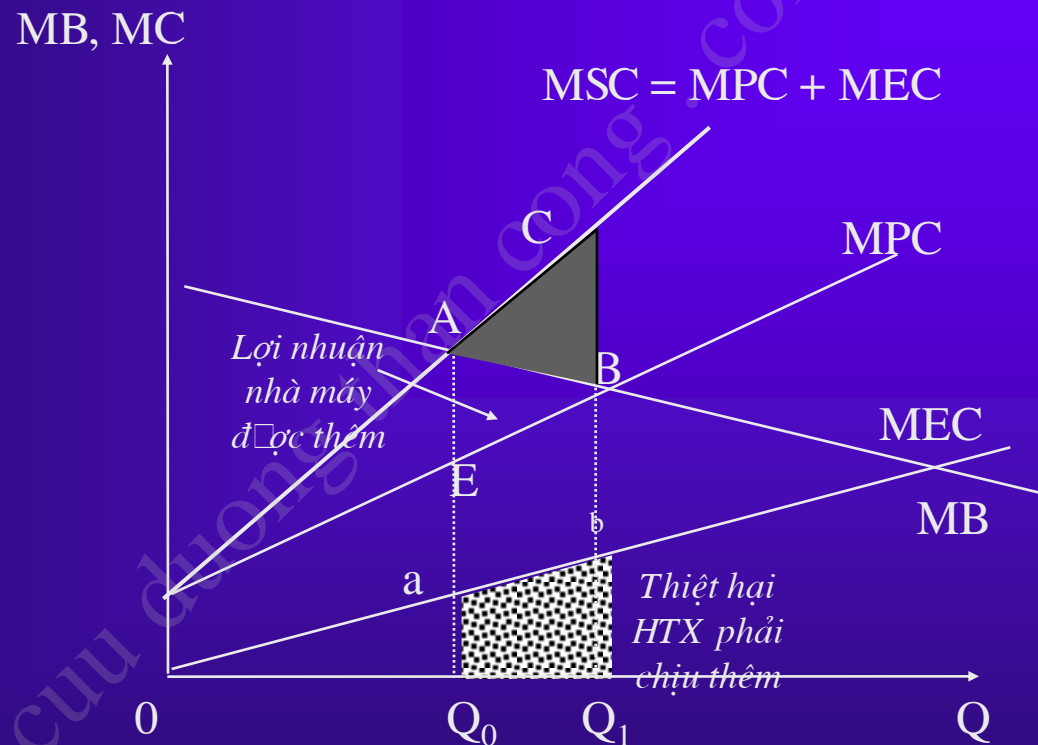
## *2.2.1 Sự phi hiệu quả của ngoại ứng tiêu cực.*

### Bối cảnh nghiên cứu

Xét trường hợp nhà máy giấy và một hợp tác xã (HTX) đánh cá đang sử dụng chung một cái hồ. Nhà máy dùng chiếc hồ làm nơi xả thải và đã làm chết cá, gây ảnh hưởng đến hoạt động đánh bắt thủy sản của HTX.




# Phân tích



**Hình 2.3: Ngoại ứng tiêu cực**



# Giải thích hình vẽ

- 
- ◆ MB: lợi ích biên mà nhà máy thu đ- ợc, ứng với từng mức sản l- ợng .
  - ◆ MPC: chi phí biên của nhà máy
  - ◆ MEC :chi phí ngoại ứng biên .
  - ◆ MSC : chi phí biên đối với xã hội

$$MSC = MPC + MEC$$



# Phân tích

- ◆ Lựa chọn sản xuất của doanh nghiệp:

$MB = MPC$ , sản lượng đạt  $Q_1$

- ◆ Mức sản lượng tối ưu xã hội:

$MB = MSC$ , sản lượng đạt  $Q_2$

Doanh nghiệp sản xuất nhiều hơn mong muốn của xã hội, gây tổn thất là diện tích ABC

Chứng minh?



## *2.2.2 Giải pháp khắc phục ngoại ứng tiêu cực*

a, Giải pháp tư nhân

b, Giải pháp của chính phủ



## a. Giải pháp tư nhân

*a1. Quy định quyền sở hữu tài sản*

*a2. Sáp nhập*

*a3. Dùng d□ luận xã hội*



# *a1. Quy định quyền sở hữu tài sản*

- ◆ Đặt vấn đề.
- ◆ Giải pháp.
- ◆ Chứng minh
- ◆ Hạn chế của giải pháp.

# Đặt vấn đề.

Sự xuất hiện ngoại ứng có nguyên nhân từ việc thiếu một qui định rõ ràng về quyền sở hữu đối với các nguồn lực đ- ợc các bên sử dụng chung



# Giải pháp.

- ◆ **Định lý Coase:** nếu chi phí đàm phán là không đáng kể thì có thể đưa ra được một giải pháp hiệu quả đối với ngoại ứng bằng cách trao quyền sở hữu đối với các nguồn lực được sử dụng chung cho một bên nào đó. Kết quả này không phụ thuộc vào việc bên nào trong số các bên liên quan đến ngoại ứng được trao quyền sở hữu.



# Chứng minh

**TH1:** Quyền sở hữu cái hồ được trao cho  
NM: HTX phải thực hiện đền bù cho NM,  
Mức đền bù tại mức sản lượng J, tại đó:

**MEC tại j  $\geq$  Mức đền bù  $\geq$  MB - MPC tại j**

**TH2:** Quyền sở hữu cái hồ được trao cho  
HTX: NM phải thực hiện đền bù cho HTX,  
Mức đền bù tại mức sản lượng J, tại đó:

**MEC tại j  $\leq$  Mức đền bù  $\leq$  MB  $\square$  MPC tại j**



# Câu hỏi

- ◆ Hai bên có chấp nhận phương án đền bù?
- ◆ Hình thức đền bù có giải quyết được vấn đề ngoại ứng tiêu cực?

# Hạn chế của giải pháp.

- ◆ Chỉ có thể thực hiện đ- ợc nếu chi phí đàm phán không đáng kể
- ◆ Chủ sở hữu nguồn lực có thể xác định đ- ợc nguyên nhân gây thiệt hại cho tài sản của họ.
- ◆ Bên nào được trao quyền sở hữu sẽ được nhận đền bù, có thể đó là bên gây ngoại ứng tiêu cực




# Kết luận

Định lý Coase chỉ phù hợp với những ngoại ứng nhỏ, có liên quan đến một số ít đối tượng và nguyên nhân gây ra ngoại ứng có thể xác định dễ dàng

## *a2. Sáp nhập*

- ◆ Hướng giải quyết: Nội hoá ngoại ứng.
- ◆ Cụ thể: sáp nhập NM và HTX.
- ◆ Chứng minh?



### *a3. Dùng d□ luận xã hội*

Ví dụ:

- PHê phán người vứt rác ra đường phố.
- Thuyết phục người tiêu dùng tẩy chay hàng của hãng gây ô nhiễm



## b. Giải pháp của chính phủ

b1. Đánh thuế

b2. Trợ cấp.

b3. Hình thành thị trường ô nhiễm.

b4. Kiểm soát trực tiếp bằng mức  
chuẩn thải





## b1. Đánh thuế

- ◆ Mục tiêu của giải pháp
- ◆ Phân tích
- ◆ Định hướng giải pháp.
- ◆ Giải pháp cụ thể.

# Mục tiêu của giải pháp

Làm cho Doanh nghiệp phải giảm sản lượng tới mức sản lượng tối đa hoá phúc lợi xã hội.





# Phân tích

Nguyên nhân của hiện tượng sản xuất quá nhiều của doanh nghiệp: Chi phí tư nhân biên thấp hơn chi phí xã hội biên:

$$MPC < MSC$$



# Định hướng giải pháp

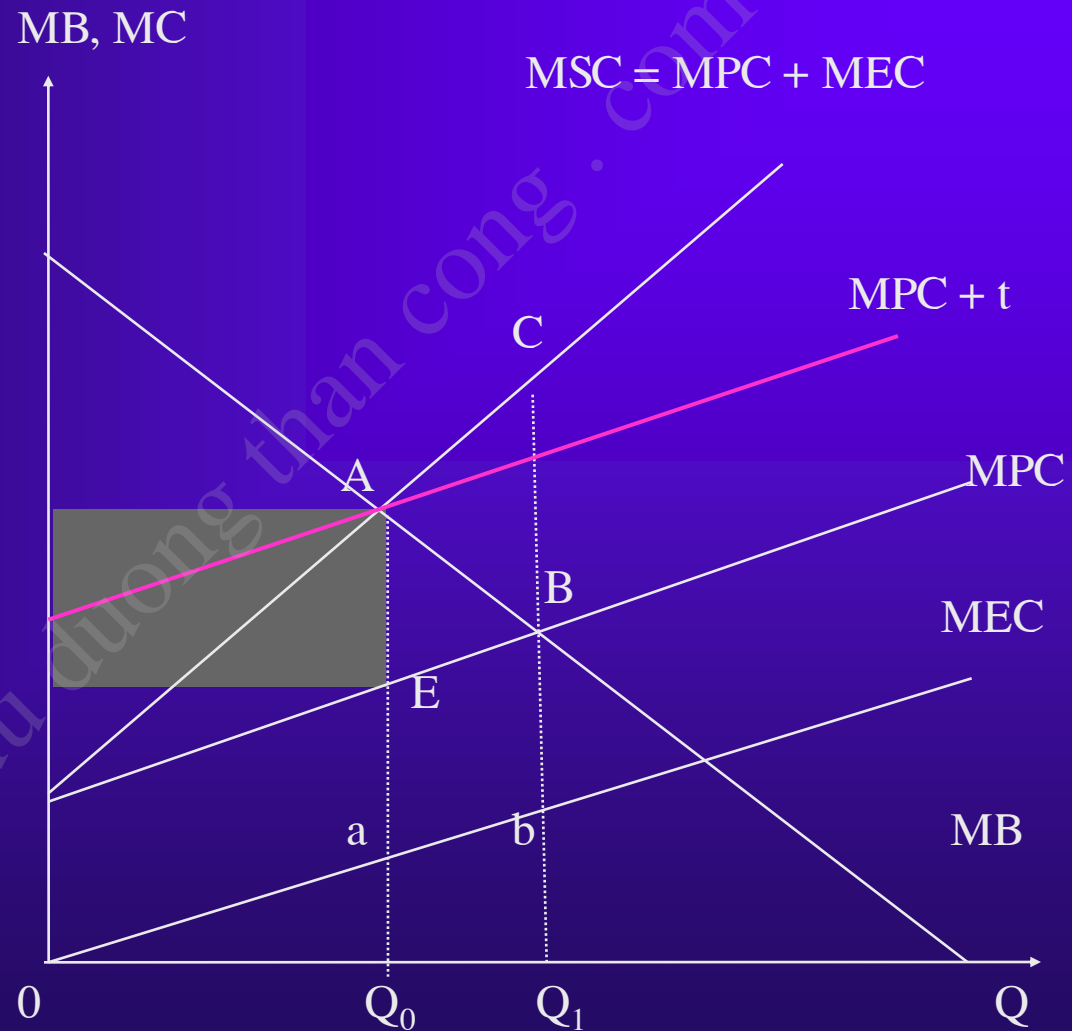
Làm tăng MPC của doanh nghiệp, tức tìm cách đẩy đường MPC lên cao



# Giải pháp cụ thể

Đánh thuế : *Thuế Pigou* là loại thuế đánh vào mỗi đơn vị sản phẩm đầu ra của hãng gây ô nhiễm, sao cho nó đúng bằng chi phí ngoại ứng biên tại mức sản lượng tối ưu xã hội = MEC tại  $Q_{xh}$

# Mô tả



Hình 2.4: Đánh thuế đối với ngoại ứng tiêu cực

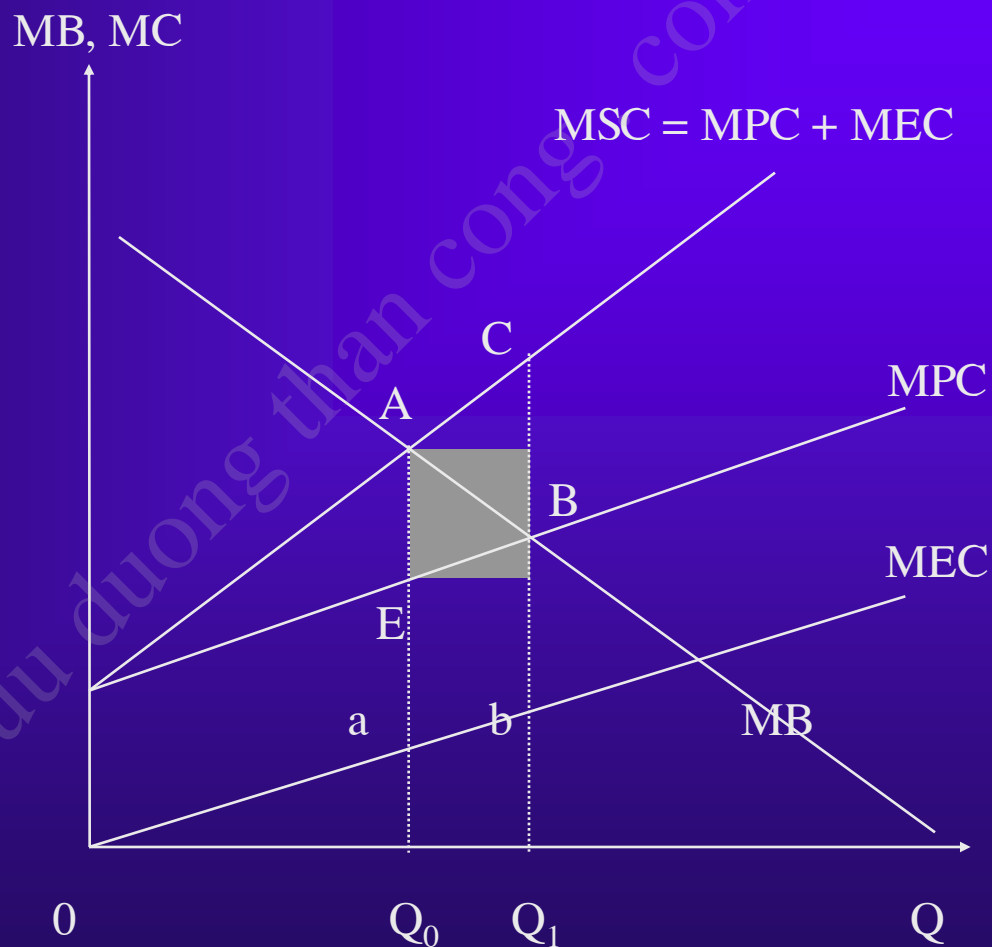


## b2. Trợ cấp

- ◆ Mục tiêu: Giảm sản lượng của doanh nghiệp.
- ◆ Giải pháp : Trợ cấp



# Mô tả giải pháp



**Hình 2.5: Trợ cấp đối với ngoại ứng tiêu cực**



## 2.3 Ngoại ứng tích cực

*2.3.1 Sự phi hiệu quả của ngoại ứng tiêu cực.*

*2.3.2 Giải pháp khắc phục ngoại ứng tiêu cực*

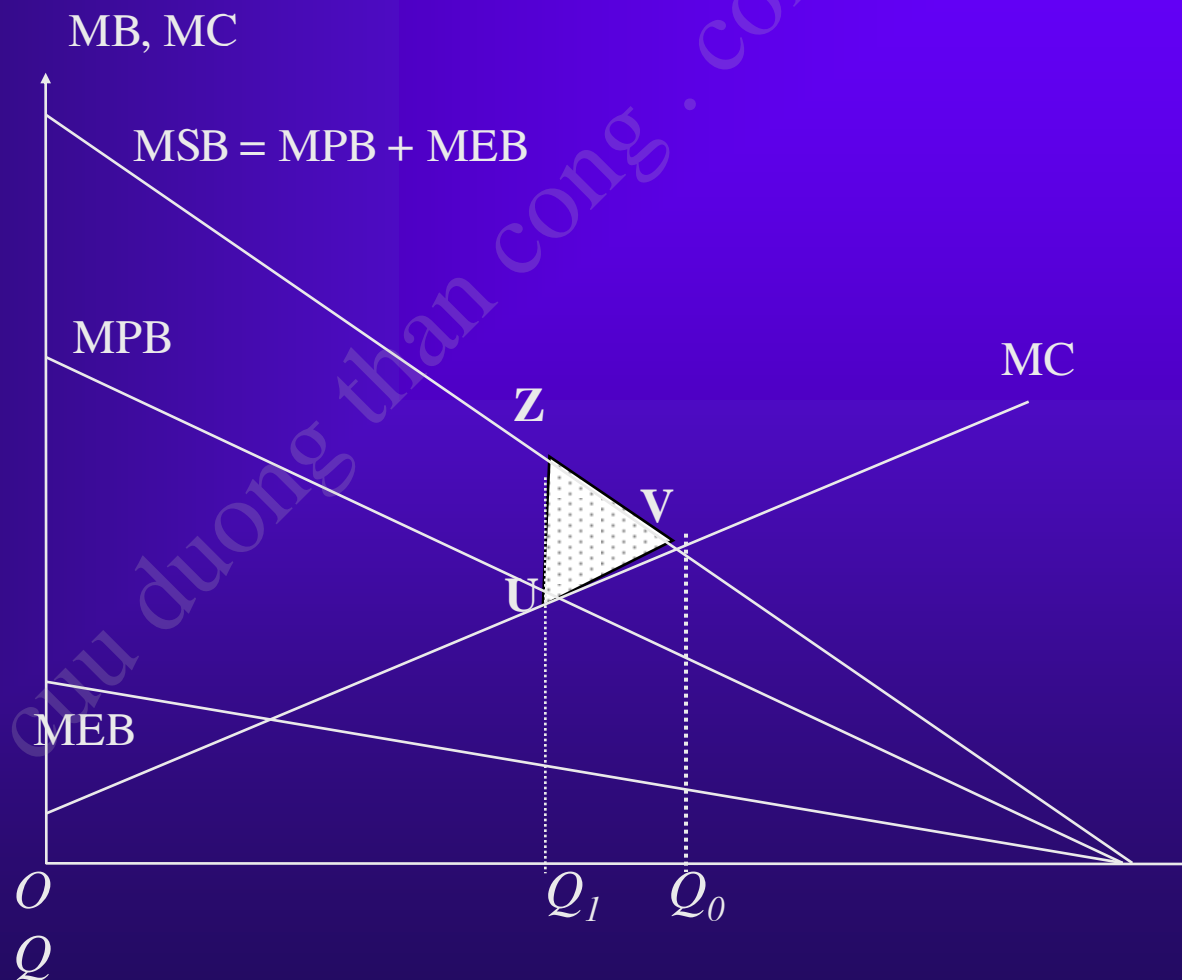


## *2.3.1 Sự phi hiệu quả của ngoại ứng tiêu cực.*

Bối cảnh nghiên cứu:

Gia đình trồng nhãn mang lại lợi ích ngoại lai cho gia đình nuôi ong.

# Mô tả giải pháp



**Hình 2.8: Ngoại ứng tích cực**

# Giải thích hình vẽ

- ◆ MC: chi phí biên của hộ trồng táo .
- ◆ MPB: Lợi ích biên của hộ trồng táo
- ◆ MEB :Lợi ích ngoại lai biên .
- ◆ MSB :Lợi ích biên đối với xã hội

$$MSB = MPB + MEB$$



# Phân tích

- ◆ Lựa chọn sản xuất của hộ TTáo:

$MC = MPB$ , sản lượng đạt  $Q_1$

- ◆ Mức sản lượng tối ưu xã hội:

$MC = MSB$ , sản lượng đạt  $Q_0$

Hộ TT sản xuất ít hơn mong muốn của xã hội, gây tổn thất là diện tích UVZ

Chứng minh?

## 2.3.2 Giải pháp khắc phục ngoại ứng tiêu cực

- ◆ Mục tiêu giải pháp.
- ◆ Giải pháp





# Mục tiêu giải pháp

Đưa mức sản lượng của hộ trồng táo về mức sản lượng tối đa hoá phúc lợi xã hội



# Giải pháp

- ◆ Phân tích nguyên nhân.
- ◆ Phương án giải quyết.
- ◆ Giải pháp cụ thể.
- ◆ Mô tả giải pháp



# Phân tích nguyên nhân.

Lợi ích tư nhân biên của hộ  
trồng táo thấp hơn lợi ích xã hội  
biên



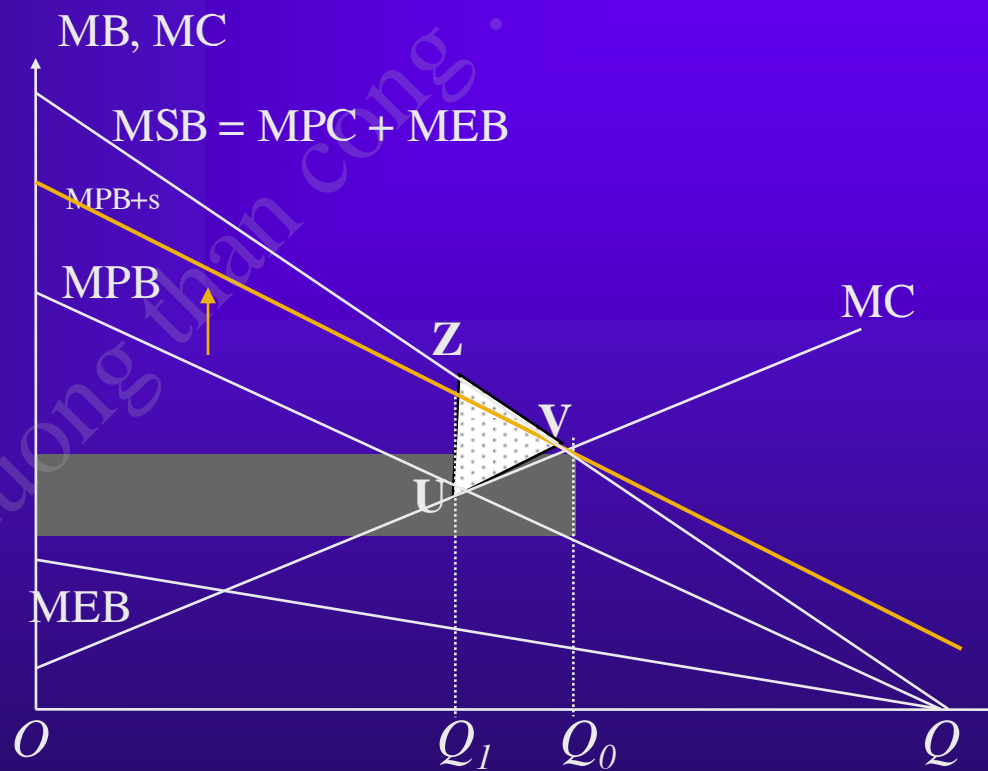
# Phương án giải quyết

Tăng lợi ích tư nhân biên cho hộ trồng táo (Đẩy đường lợi ích tư nhân biên của hộ trồng táo lên cao)

# Giải pháp cụ thể

- ◆ *Trợ cấp Pigou: là mức trợ cấp trên mỗi đơn vị sản phẩm đầu ra của hãng tạo ra ngoại ứng tích cực, sao cho nó đúng bằng lợi ích ngoại ứng biên tại mức sản lượng tối ưu xã hội = MEB tại  $Q_{xh}$*

# Mô tả giải pháp



Hình 2.8: Ngoại ứng tích cực



# 3 HÀNG HÓA CÔNG CỘNG

3.1 Khái niệm và thuộc tính cơ bản của HHCC

3.2 Cung cấp hàng hóa công cộng

3.3 Cung cấp công cộng HHCH





## 3.1 Khái niệm và thuộc tính cơ bản của HHCC

*3.1.1 Khái niệm chung về HHCC*

*3.1.2 Thuộc tính cơ bản của HHCC*

*3.1.3 Phân loại HHCC*



# Ví dụ

Cho ví dụ về HHCC tùy theo cách hiểu của bản thân?

Truyền hình, bắn pháo hoa, cầu đường, công viên....

### *3.1.1 Khái niệm chung về HHCC*

**Hàng hóa công cộng** là những loại hàng hóa mà việc một cá nhân này đang hưởng thụ lợi ích do hàng hóa đó tạo ra không ngăn cản những người khác cùng đồng thời hưởng thụ lợi ích của nó





## *Lưu ý khái niệm*

Không ngăn cản những người khác cùng đồng thời hưởng thụ lợi ích của nó:

- Không thể ngăn cản vd: Truyền hình sóng
- Không nên ngăn cản, vd xem bắn pháo hoa

### *3.1.2 Thuộc tính cơ bản của HHCC*

- Không có tính loại trừ trong tiêu dùng (Do không thể ngăn cản)
- Không có tính cạnh tranh trong tiêu dùng (Không nên ngăn cản).





### *3.1.3 Phân loại HHCC*

- a. Hàng hoá công cộng thuần túy.
- b. Hàng hoá công cộng không thuần túy



# a. Hàng hoá công cộng thuần túy.

- ◆ Khái niệm.
- ◆ Đặc điểm

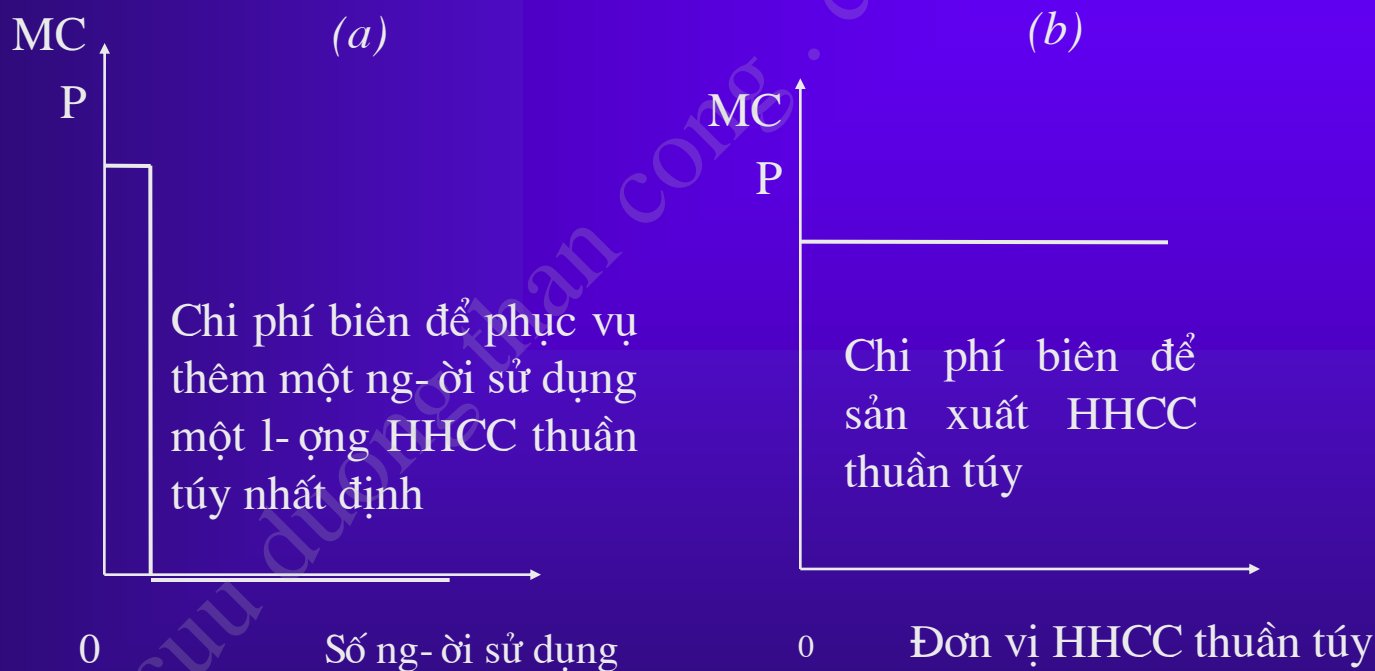




# Khái niệm

Là những HHCC mang đầy đủ hai thuộc tính cơ bản của HHCC

# Đặc điểm?



**Hình 2.9: Chi phí biên sản xuất và tiêu dùng HHCC thuần túy**

## b. Hàng hoá công cộng không thuần túy

- ◆ Khái niệm.
- ◆ Phân loại



# Khái niệm

Là những HHCC có một trong hai thuộc tính cơ bản của HHCC hoặc có cả hai thuộc tính nhưng ở một mức độ nhất định nào đó



# Phân loại

- ◆ HHCC có thể tắc nghẽn.
- ◆ HHCC có thể loại trừ bằng giá



# HHCC có thể tác nghẽn

- ◆ Khái niệm
- ◆ Minh họa

# Khái niệm

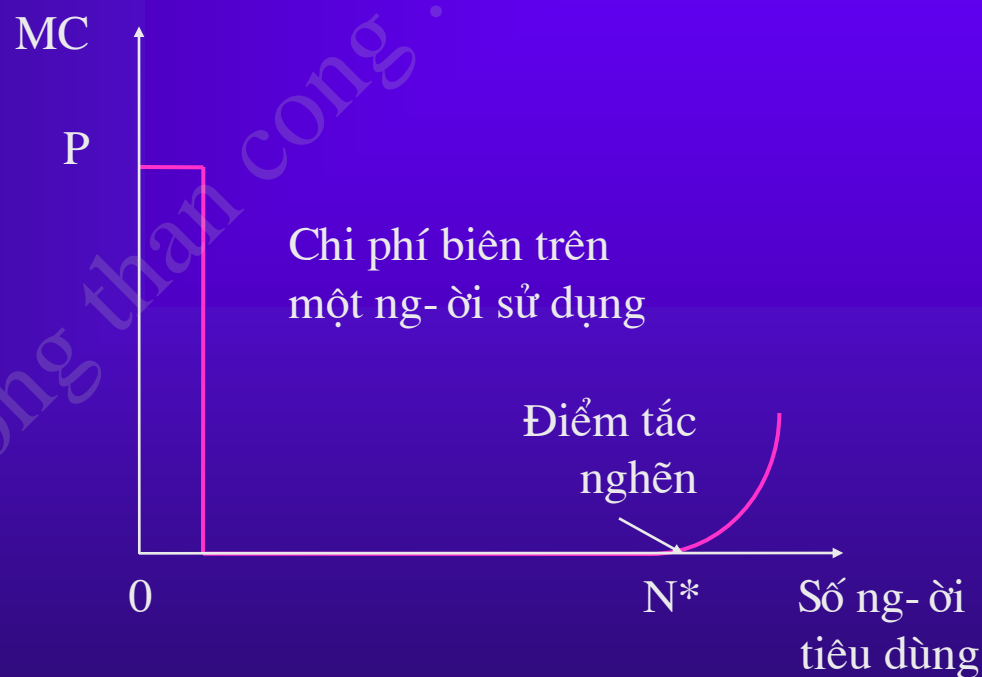
*HHCC có thể tắc nghẽn là những hàng hóa mà khi có thêm nhiều người cùng sử dụng chúng thì có thể gây ra sự ùn tắc hay tắc nghẽn khiến lợi ích của những người tiêu dùng trước đó bị giảm sút*







# Minh họa



**Hình 2.10: Hàng hóa công cộng có thể tắc nghẽn**



# HHCC có thể loại trừ bằng giá

Là những thứ hàng hóa mà lợi ích do chúng tạo ra có thể định giá.

Ví dụ : Cây cầu, sân tennis, bể bơi



## 3.2 Cung cấp hàng hóa công cộng

3.2.1 Cung cấp hàng hóa công cộng thuần túy.

3.2.2 Cung cấp hàng hóa công cộng không thuần túy.



## 3.2.1 Cung cấp hàng hóa công cộng thuần túy.

- a. Cân bằng về HHCC thuần túy.
- b. Cung cấp HHCC thuần túy và vấn đề “kẻ ăn không”.

# a. Cân bằng về HHCC thuần túy.

- ◆ *Xác định đường cầu cá nhân về HHCC*
- ◆ *Xác định đường cầu tổng hợp .*
- ◆ *Đường cung và mức cân bằng hiệu quả về HHCC*



# *Xác định đường cầu cá nhân về HHCC*

- ◆ Tình huống
- ◆ Mô tả

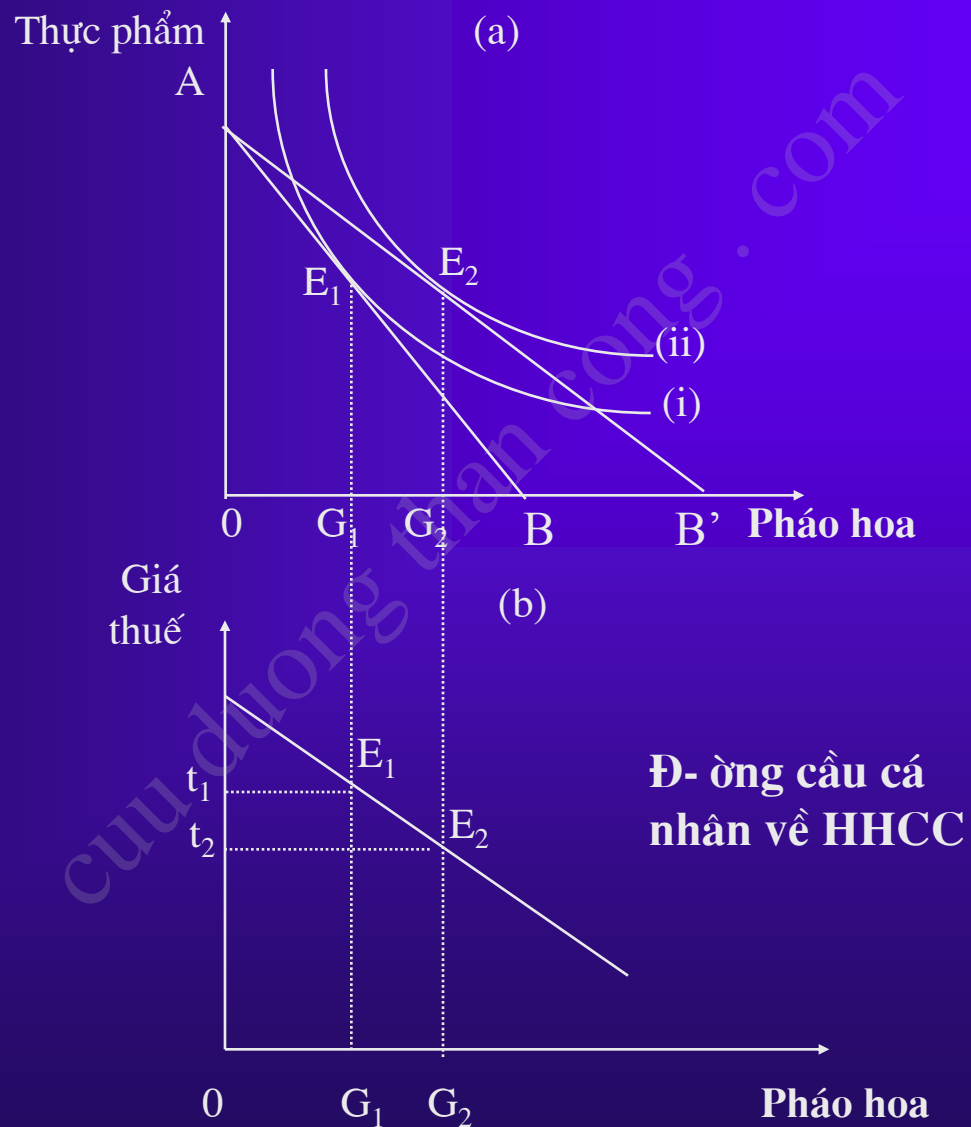


# Tình huống

- ◆ Cá nhân có tổng ngân sách I
- ◆ Tiêu dùng thực phẩm X và pháo hoa G.
- ◆  $I = pX + t_1G$
- ◆ Sau một thời gian, giá thuê của pháo hoa giảm

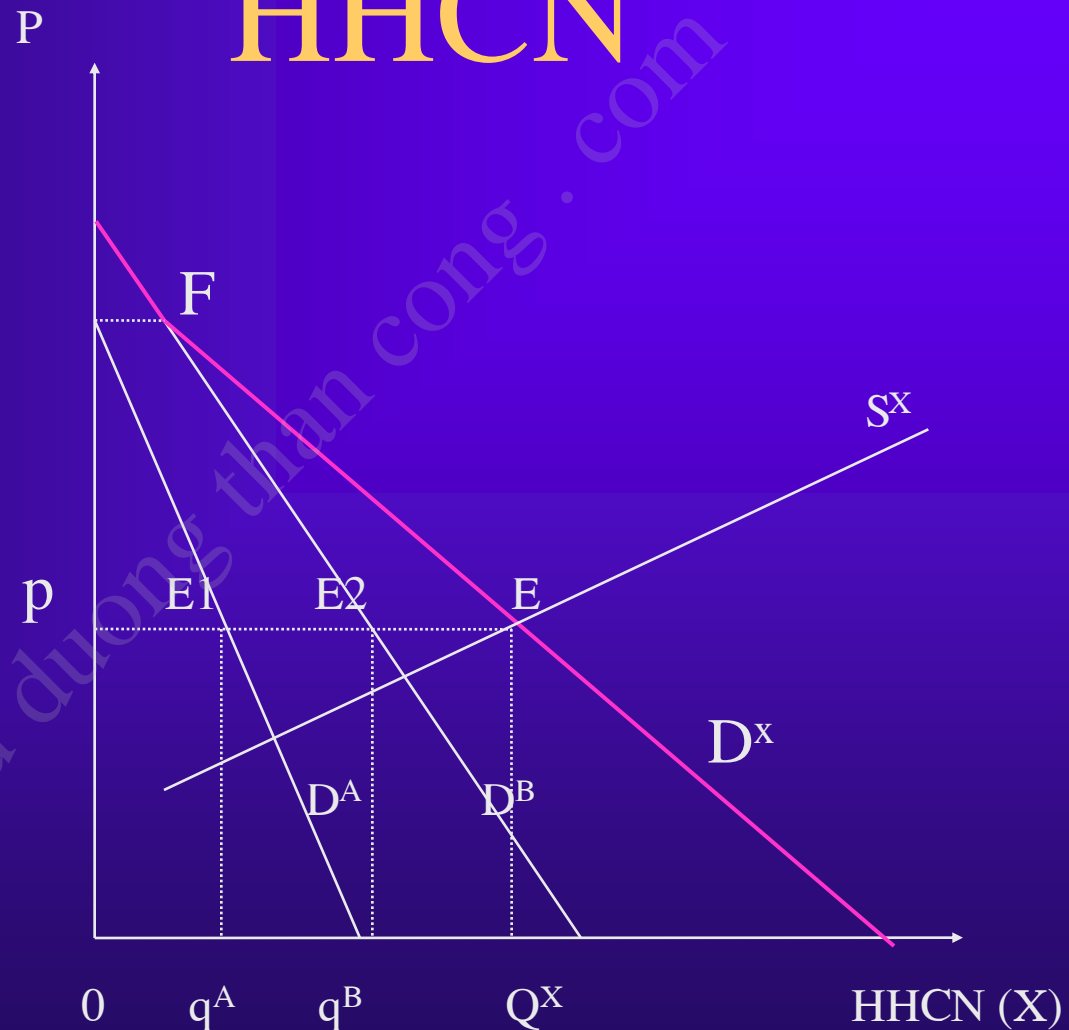


# Mô tả



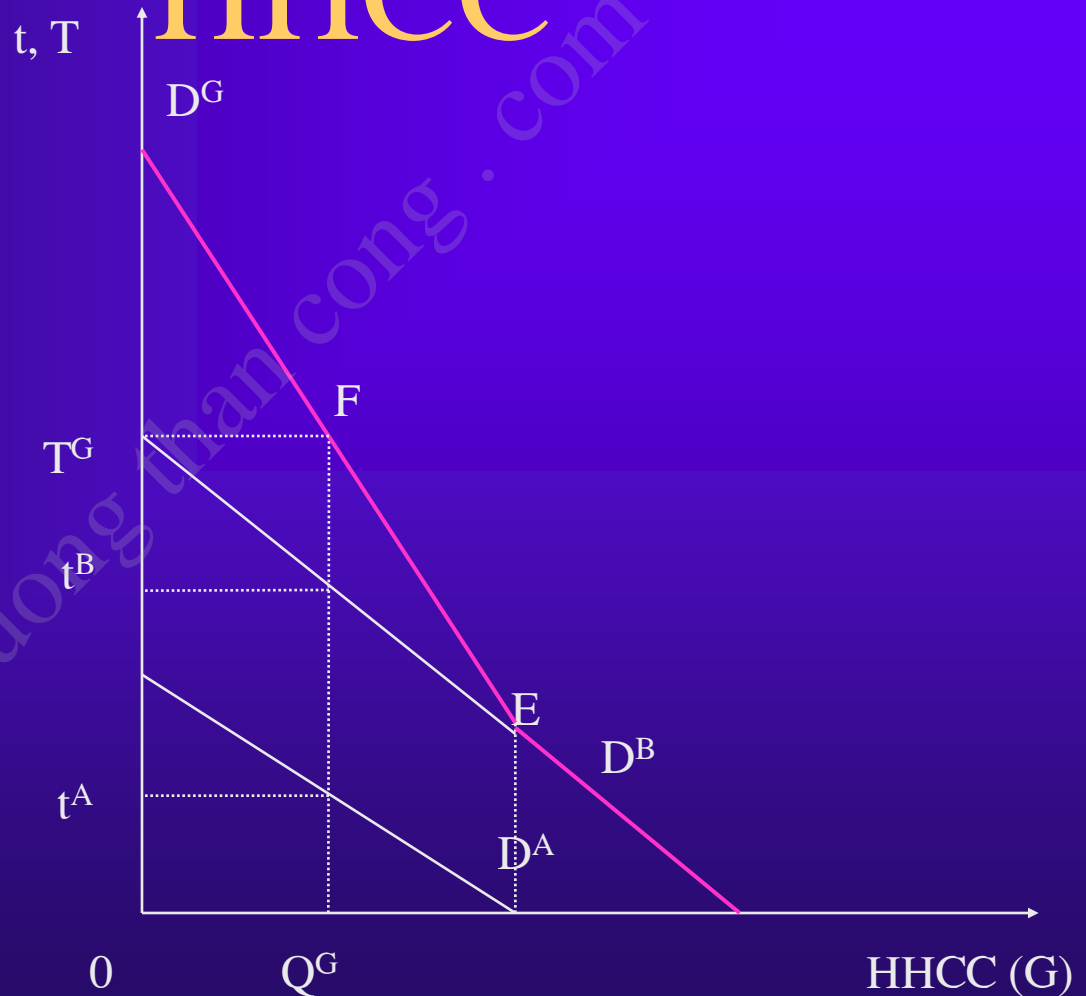
Hình 2.11: Xây dựng đ- ờng cầu cá nhân về HHCC

# Đường cầu tổng hợp HHCN



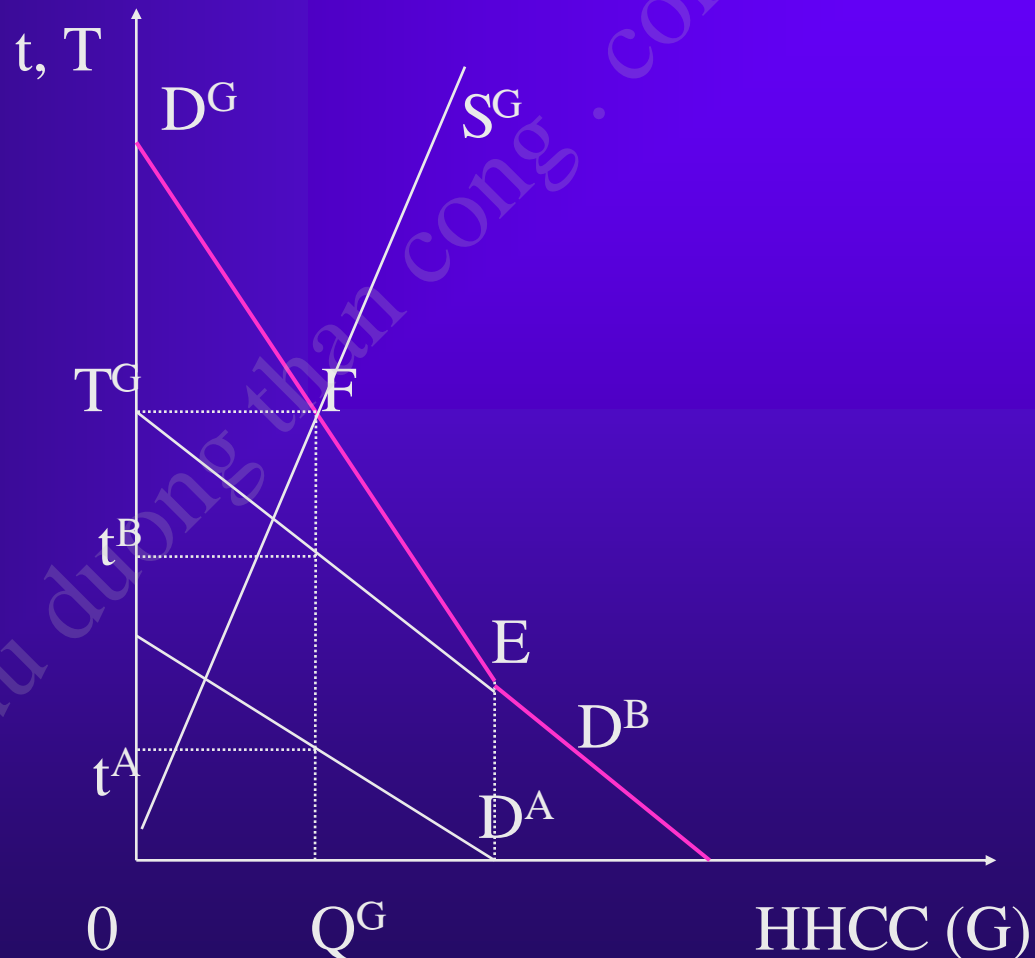
Hình 2.12: Cộng ngang đường cầu HHCN

# Đường cầu tổng hợp<sup>2</sup> HHCC



Hình 2.13: Cộng dọc các đường cầu HHCC

# Đ□ờng cung và mức cân bằng hiệu quả về HHCC



Hình 2.14: Cân bằng cung cầu HHCC



## b. Cung cấp HHCC thuần túy và vấn đề “kẻ ăn không”.

- ◆ *Kẻ ăn không* là những người tìm cách hưởng thụ lợi ích của HHCC mà không đóng góp một đồng nào cho chi phí sản xuất và cung cấp HHCC đó.
- ◆ Tại sao với HHCC thuần túy xuất hiện kẻ ăn không?



### *3.2.2 Cung cấp HHCC không thuần túy.*

- a. Đối với HHCC có thể loại trừ bằng giá
- b. Đối với những hàng hóa mà việc loại trừ rất tốn kém



## a. Đối với HHCC có thể loại trừ bằng giá

- ◆ Có nên loại trừ không?
- ◆ Loại trừ thì có gây ra tổn thất phúc lợi xã hội không?



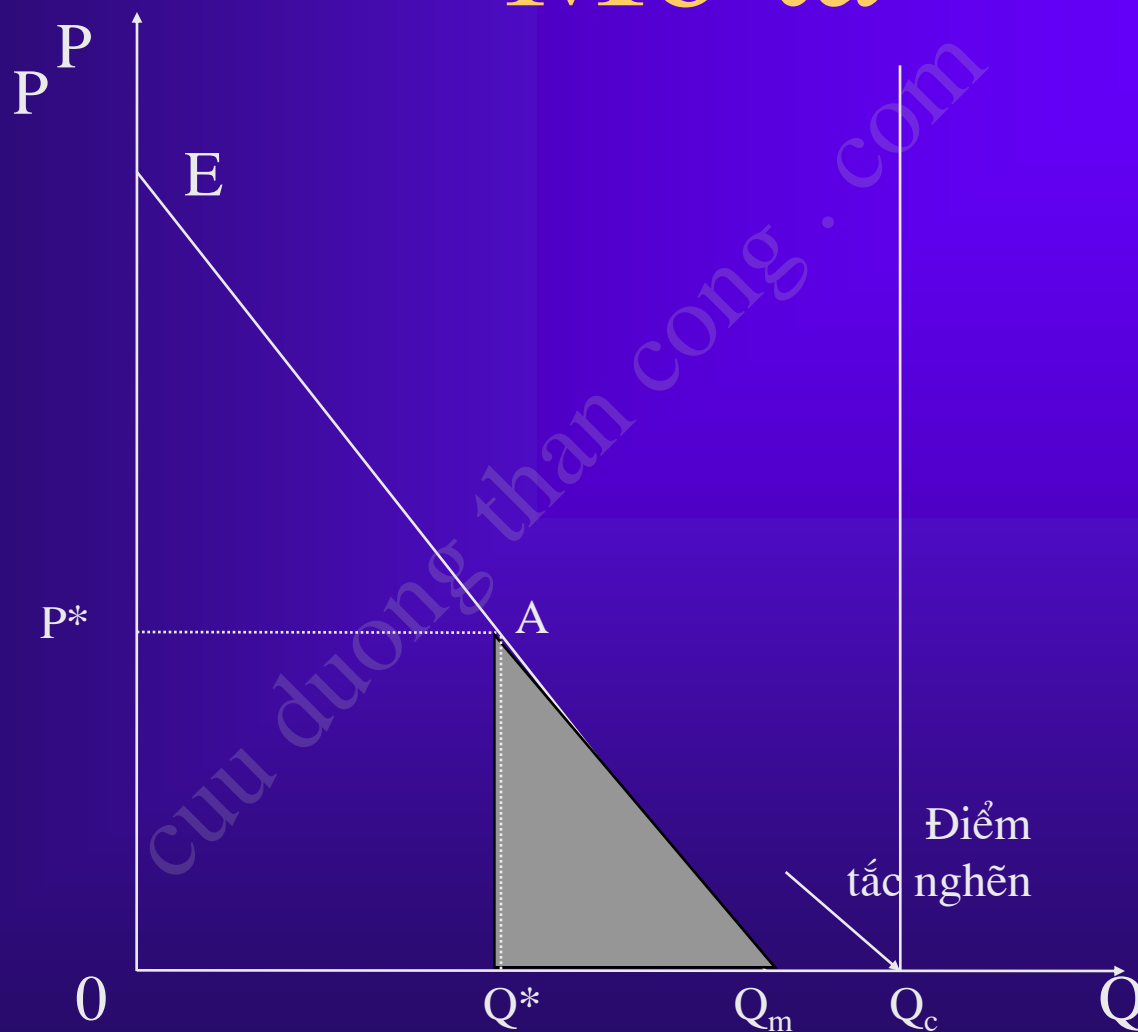


# Tình huống xem xét

Xét trường hợp việc đi lại qua một cây cầu mà có điểm tắc nghẽn lớn hơn mức tiêu dùng tối đa



# Mô tả



**Hình 2.14: Tổn thất phúc lợi khi thu phí qua cầu**



b. Đối với những hàng hóa  
mà việc loại trừ rất tốn kém

- ◆ Có nên loại trừ không?
- ◆ Loại trừ thì có gây ra tổn thất phúc lợi xã hội không?

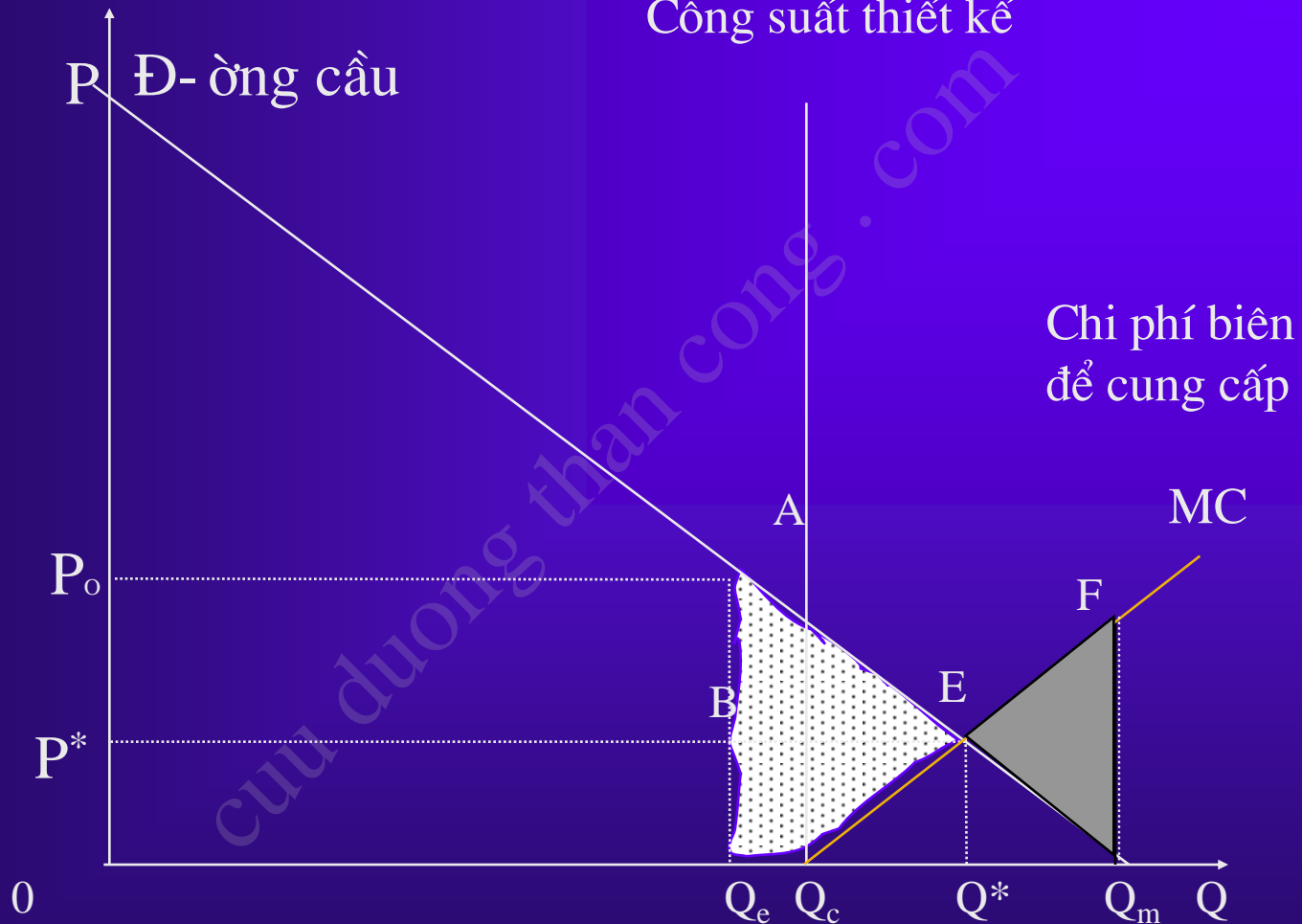


# Tình huống xem xét

Xét trường hợp việc đi lại qua một cây cầu mà có điểm tắc nghẽn thấp hơn mức tiêu dùng tối đa

# Mô tả

Công suất thiết kế



Hình 2.15: Cung cấp HHCC mà việc loại trừ tổn kém



## 3.3 Cung cấp công cộng HHCN

3.3.1. Phân biệt thuật ngữ.

3.3.2. Lý do HHCN được cung cấp công cộng.

3.3.3. Hình thức cung cấp công cộng HHCN và tổn thất FLXH

### 3.3.1. Phân biệt thuật ngữ.

Cung cấp công cộng	VS	Công cộng cung cấp
Cung cấp cá nhân	VS	Cá nhân cung cấp





### 3.3.2. Lý do HHCHN được cung cấp công cộng.

- ◆ Do mục đích từ thiện, nhân đạo .
- ◆ Việc cung cấp cá nhân một số hàng hoá tỏ ra quá tốn kém so với cung cấp công cộng



### 3.3.3. Hình thức cung cấp công cộng HHCHN và tồn thất FLXH

- a. Định suất đồng đều.
- b. Xếp hàng



# a. Định suất đồng đều.

- ◆ Khái niệm.
- ◆ Phân tích.



# Khái niệm

- ◆ *Biện pháp dùng để hạn chế việc tiêu dùng hàng hoá của cá nhân được gọi là cơ chế định suất.*
- ◆ *Định suất đồng đều là hình thức cung cấp một lượng HHCHN nh<sup>h</sup> nhau cho tất cả mọi ng<sup>h</sup>ời, không căn cứ vào cầu cụ thể của họ*

# Phân tích.

**Tình huống phân tích:**

Có 2 cá nhân A và B.

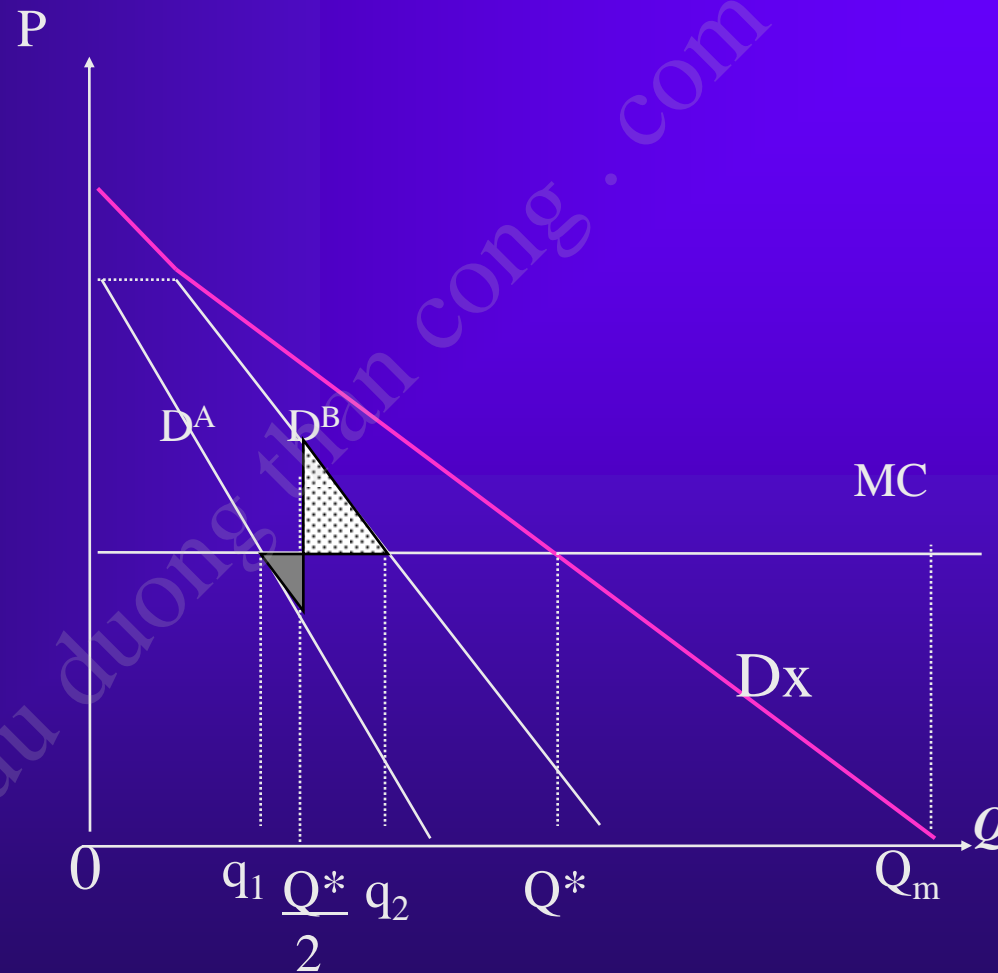
Độ thoả dụng tối đa của A là 10kg gạo.

Độ thoả dụng tối đa của B là 16kg gạo.

Chính phủ tiến hành định suất đồng đều cho 2 cá nhân, mỗi người 13 kg gạo



# Mô tả và phân tích



Hình 2.16: Định suất đồng đều



## b. Xếp hàng

- ◆ Nguyên tắc thực hiện
- ◆ Hạn chế của giải pháp



# Nguyên tắc thực hiện

Nguyên tắc thực hiện: ai đến tr- ớc đ- ợc phục vụ tr- ớc hay buộc cá nhân phải trả giá cho hàng hoá đ- ợc cung cấp miễn phí bằng thời gian chờ đợi




# Hạn chế của giải pháp

- ◆ Người muốn có hàng ko có thời gian chờ đợi, người không cần hàng có thời gian chờ đợi nên hình thành thị trường chợ đen.
- ◆ Tiêu tốn thời gian và nguồn lực của xã hội vào việc chờ đợi vô ích.
- ◆ Không thể áp dụng được với một số loại hàng hoá dịch vụ như khám chữa bệnh



# 4. THÔNG TIN KHÔNG ĐÚNG

- 
- 4.1. Khái niệm và ví dụ.
  - 4.2. Tính phi hiệu quả do TTKĐX.
  - 4.3. Phân loại HH liên quan đến TTKĐX
  - 4.4. Nguyên nhân gây ra hiện tượng TTKĐX
  - 4.5. Mức độ nghiêm trọng của thất bại về TTKĐX đối với các loại hàng hoá
  - 4.6 Các giải pháp khắc phục TTKĐX

# 4.1. Khái niệm và ví dụ.

a. Khái niệm.

b. Ví dụ.





## a. Khái niệm

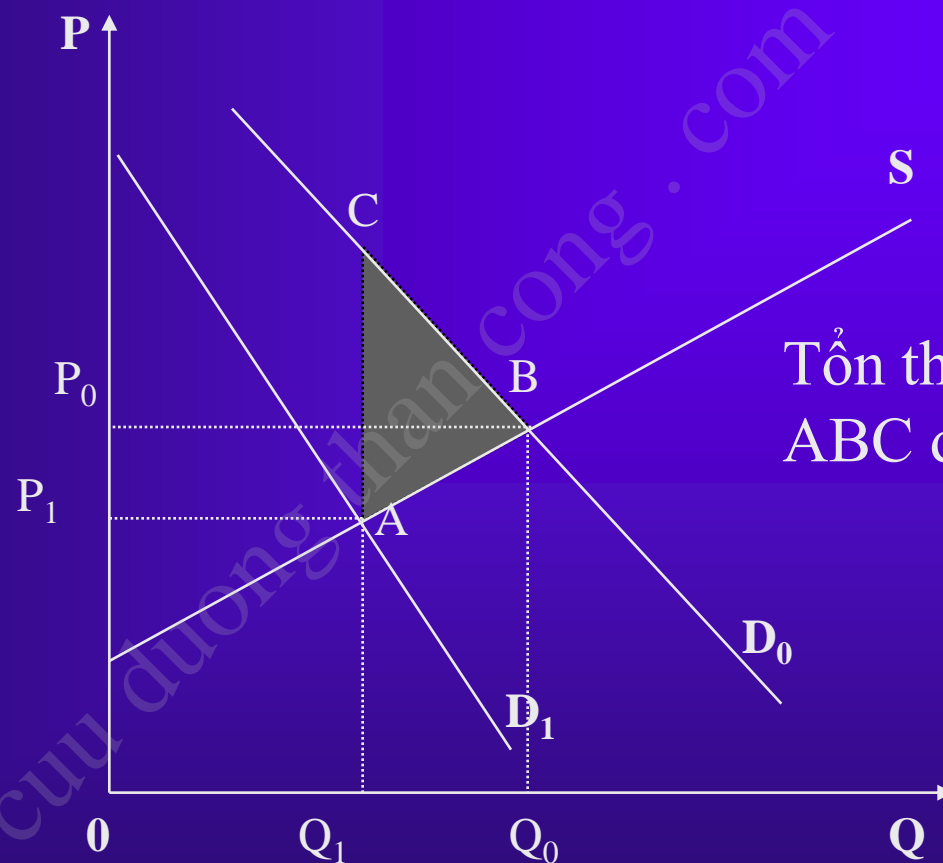
*Thông tin không đối xứng là tình trạng xuất hiện trên thị trường khi một bên nào đó tham gia giao dịch thị trường có được thông tin đầy đủ hơn bên kia về các đặc tính của sản phẩm.*

## b. Ví dụ.

- ◆ Trường hợp người bán có nhiều thông tin hơn người mua:
- ◆ Trường hợp người mua có nhiều thông tin hơn người bán:



## 4.2. Tính phi hiệu quả do TTKĐX.



*Hình 2.17: Thông tin không đối xứng về phía người mua làm thị trường cung cấp dôi mức hiệu quả*



## 4.3. Phân loại HH liên quan đến TTKĐX

- ◆ Hàng hoá có thể thẩm định được trước khi dùng.
- ◆ Hàng hoá chỉ có thể thẩm định được trong khi dùng
- ◆ Hàng hoá không thể thẩm định được.





## 4.4. Nguyên nhân gây ra hiện tượng TTKĐX

*4.2.1 Chi phí thẩm định hàng hoá*

*4.2.2 Mức độ đồng nhất trong mối quan hệ giữa giá cả và chất lượng .*

*4.2.3. Mức độ thông xuyên mua sắm*

## 4.5. Mức độ nghiêm trọng của thất bại về TTKĐX đối với các loại hàng hoá

- ◆ Ít nghiêm trọng: HH có thể thẩm định trước khi dùng.
- ◆ Nghiêm trọng hơn: HH chỉ có thể thẩm định trong khi dùng.
- ◆ Nghiêm trọng nhất: HH không thể thẩm định được





## 4.6 Các giải pháp khắc phục TTKĐX

4.6.1. *Các giải pháp t□ nhân.*

4.6.2. *Các giải pháp của chính phủ.*

## 4.6.1. Các giải pháp t□ nhân.

- ◆ *Xây dựng th□ơng hiệu và quảng cáo.*
- ◆ *Bảo hành sản phẩm.*
- ◆ *Dựa vào bên thứ ba để khắc phục thất bại này, ví dụ: dịch vụ chứng nhận chất l□ợng, sử dụng tổ chức đại diện, đặt mua thông tin qua báo chí và bảo hiểm*



## 4.6.2. *Các giải pháp của chính phủ.*

- ◆ Chính phủ trực tiếp cung cấp.
- ◆ Chính phủ tăng cường độ tin và hiệu lực của giải pháp tư nhân.
- ◆ Chính phủ cung cấp thông tin